CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 423 /QĐ-UBND ngày 22 / 8 /2025 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	**291.552**	**Tổng số chi**	**291.552**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.051	I. Chi đầu tư phát triển	237.748
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	242.845	II. Chi thường xuyên	51.335
III. Thu bổ sung	47.656	III. Dự phòng	2.469
- Bổ sung cân đối ngân sách	47.656		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 423 /QĐ-UBND ngày 22 / 8 /2025 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		
		Tổng số	Chi ĐTPT	Chi thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	**291.552**	**237.748**	**53.804**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**237.748**	**237.748**	
II	**Chi thường xuyên**	**51.335**		**51.335**
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục	545		545
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			-
3	Chi y tế	435		435
4	Chi văn hóa, thông tin	2.167		2.167
5	Chi phát thanh, truyền thanh	262		262
6	Chi thể dục, thể thao	416		416
7	Chi bảo vệ môi trường	190		190
8	Chi các hoạt động kinh tế	626		626
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	42.240		42.240
10	Chi cho công tác xã hội	905		905
11	Chi khác			-
III	**Dự phòng**	**2.469**		**2.469**

HỖ TRỢ TỪ NGUỒN TĂNG THU TIỀN BẢO VỆ ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 22/ 8 /2025 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hỗ trợ tăng thu từ nguồn bảo vệ đất trồng lúa	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**11.200**	
1	Hỗ trợ sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp nông thôn	11.200	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 123 /QĐ-UBND ngày 22 / 8/2025 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Ghi chú
		Thu NSNN	Thu NSX	
	1	2	3	4
	Tổng thu	**858.505**	**291.552**	
A	**Thu trên địa bàn**	**810.849**	**243.896**	
I	**Các khoản thu 100%**	**1.051**	**1.051**	
1	Các loại phí, lệ phí	190	190	
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	690	690	
3	Thu khác ngân sách	171	171	
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**809.798**	**242.845**	
1	Thuế thu nhập cá nhân	4.211	1.831	
2	Thuế sử dụng đất PNN	670	670	
3	Thu tiền sử dụng đất	798.000	237.748	
4	Lệ phí trước bạ	2.230	1.115	
5	Tiền thuê đất	1.970	394	
6	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.717	1.087	
B	**Thu chuyển nguồn**			
C	**Thu kết dư**			
D	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**47.656**	**47.656**	
-	Thu bổ sung cân đối	47.656	47.656	
-	Thu bổ sung có mục tiêu			